

Số: 69/QĐ-STC

Vĩnh Long, ngày 02 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018
của Sở Tài chính

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-STC ngày 12/01/2018 của Sở Tài chính về kết quả thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của Sở Tài chính (theo các biểu đính kèm) theo quy định tại điều 5 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, kế toán cơ quan và các phòng, trung tâm thuộc Sở thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban giám đốc;
- Các phòng, trung tâm;
- P. Tin học thống kê (phối hợp thực hiện);
- Lưu VT.



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC năm 2018**
(Kèm theo Quyết định số 69 /QĐ-STC ngày 02 / 02 /2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Trong đó	
				Sở Tài chính	TT Thông tin tư vấn và dịch vụ tài chính
I	Tổng số thu, chi ngân sách				
1	Dự toán thu	3.702	3.702	3.202	500
	- Thu chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án	3.000	3.000	3.000	
	- Thu cung cấp thông tin hàng ngày (Đài PTTH); đăng ký giá nước	50	50	50	
	- Thu chi phí thẩm định giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất áp dụng bồi thường	70	70	70	
	- Trích 30% các khoản sai phạm do thanh tra phát hiện thu hồi nộp NSNN	82	82	82	
	- Thu hoạt động dịch vụ (thẩm định giá, phương án đền bù, đấu giá, đấu thầu, dịch vụ khác)	500	500		500
2	Chi từ nguồn thu để lại	3.699	3.699	3.199	500
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án (chi thủ lao quyết toán công trình, photo tài liệu, làm thêm giờ quyết toán công trình, chi khác)	3.000	3.000	3.000	
	- Chi cung cấp thông tin hàng ngày (Đài PTTH), đăng ký giá nước (photo, văn phòng phẩm, gửi bảng giá...)	47	47	47	
	- Chi phí thẩm định giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất áp dụng bồi thường (nước uống hợp, chi cho thành viên họp thẩm định phương án giá đất)	70	70	70	
	- Trích 30% các khoản sai phạm do thanh tra phát hiện thu hồi nộp NSNN (35% chi các nội dung tăng cường cơ sở vật chất; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ; chi hoạt động nghiệp vụ; hỗ trợ lễ, tết, các khoản mang tính phúc lợi; 65% chi khen thưởng công chức thanh tra; hỗ trợ tập thể, cá nhân trong và ngoài cơ quan thanh tra tích cực phối	82	82	82	
	- Hoạt động dịch vụ (thẩm định giá, phương án đền bù, đấu giá, đấu thầu, dịch vụ khác), trong đó 40% cải cách tiền lương: 40 trđ	500	500		500



Stt	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bỏ	Trong đó	
				Sở Tài chính	TT Thông tin tư vấn và dịch vụ tài chính
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.775	9.775	8.829	946
1	Chi quản lý hành chính (340-341)	8.353	8.353	8.353	
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	7.334	7.334	7.334	
	<i>trong đó tiết kiệm 10% cải cách tiền lương</i>	88	88	88	
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.019	1.019	1.019	
2	Nghiên cứu khoa học (100-103)	76	76	76	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	76	76	76	
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (070-082,	320	320	320	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên, trong đó	320	320	320	
	- Loại 070 khoản 082	27	27	27	
	- Loại 070 khoản 085	293	293	293	
4	Sự nghiệp kinh tế (280-312, 338)	1.026	1.026	80	946
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	766	766		766
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	260	260	80	180

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 09/QĐ-STC ngày 2/01/2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán được giao
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	
1	Dự toán thu	3.202
	- Thu chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án	3.000
	- Thu cung cấp thông tin hàng ngày (Đài PTTH); đăng ký giá nước	50
	- Thu chi phí thẩm định giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất áp dụng bồi thường	70
	- Trích 30% các khoản sai phạm do thanh tra phát hiện thu hồi nộp NSNN	82
2	Chi từ nguồn thu để lại	3.199
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án (chi thù lao quyết toán công trình, photo tài liệu, làm thêm giờ quyết toán công trình, chi khác)	3.000
	- Chi cung cấp thông tin hàng ngày (Đài PTTH), đăng ký giá nước (photo, văn phòng phẩm, gửi bảng giá...)	47
	- Chi phí thẩm định giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất áp dụng bồi thường (nước uống họp, chi cho thành viên họp thẩm định phương án giá đất)	70
	- Trích 30% các khoản sai phạm do thanh tra phát hiện thu hồi nộp NSNN (35% chi các nội dung tăng cường cơ sở vật chất; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ; chi hoạt động nghiệp vụ; hỗ trợ lễ, tết, các khoản mang tính phúc lợi; 65% chi khen thưởng công chức thanh tra; hỗ trợ tập thể, cá nhân trong và ngoài cơ quan thanh tra tích cực phối hợp trong công tác)	82
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.829
1	Chi quản lý hành chính (340-341)	8.353
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	7.334
	<i>trong đó tiết kiệm 10% cải cách tiền lương</i>	88
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.019
2	Nghiên cứu khoa học (100-103)	76
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	76
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (070-082, 085)	320
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên, trong đó	320



Stt	Nội dung	Dự toán được giao
	- Loại 070 khoản 082	27
	- Loại 070 khoản 085	293
4	Sự nghiệp kinh tế (280-312)	80
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	80

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
 (Kèm theo Quyết định số 69/QĐ-STC ngày 02/02/2018 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	
1	Dự toán thu	500
	- Thu hoạt động dịch vụ (thẩm định giá, phương án đền bù, đấu giá, đấu thầu, dịch vụ khác)	500
2	Chi từ nguồn thu để lại	500
	- Hoạt động dịch vụ (thẩm định giá, phương án đền bù, đấu giá, đấu thầu, dịch vụ khác), trong đó 40% cải cách tiền lương: 40 trđ	500
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	946
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ <i>trong đó tiết kiệm 10% cải cách tiền lương</i>	
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Sự nghiệp kinh tế (280-338)	946
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	766
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	180

